

THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	ACB	383.000.482	398.313.906
2	FPT	96.906.440	99.831.440
3	HPG	332.181.111	322.381.111
4	LPB	256.376.450	257.434.707
5	MBB	275.486.596	319.005.997
6	MSN	51.617.121	54.267.121
7	MWG	68.678.475	71.114.024
8	SHB	346.747.672	343.188.572
9	STB	120.558.435	128.108.435
10	TCB	300.879.805	307.679.805
11	VHM	212.641.424	211.241.424
12	VIB	143.925.657	147.089.768
13	VIC	208.905.918	207.205.918
14	VNM	53.397.511	52.590.341
15	VPB	351.917.445	333.117.445
16	VRE	70.749.782	59.249.782

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 04/09/2026 như sau:

STT	Mã CKCS	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.804.421.957	4.845.531.449	484.553.144	398.313.906
2	FPT	1.714.326.422	1.379.518.471	137.951.847	99.831.440
3	HDB	5.005.276.323	3.830.037.442	383.003.744	349.207.341
4	HPG	8.442.964.520	4.763.520.582	476.352.058	322.381.111
5	LPB	2.987.282.100	2.639.263.735	263.926.373	257.434.707
6	MBB	9.263.249.895	4.196.252.202	419.625.220	319.005.997
7	MSN	1.460.374.611	825.987.879	82.598.787	54.267.121
8	MWG	1.475.765.646	1.104.315.432	110.431.543	71.114.024
9	SHB	5.343.703.838	3.822.885.725	382.288.572	343.188.572
10	SSB	3.468.800.000	1.830.485.760	183.048.576	177.441.376
11	SSI	3.001.302.333	1.993.465.009	199.346.500	199.346.500
12	STB	1.885.215.716	1.730.250.984	173.025.098	128.108.435
13	TCB	7.086.240.414	3.825.152.575	382.515.257	307.679.805
14	VHM	8.214.824.008	2.322.330.747	232.233.074	211.241.424
15	VIB	3.404.005.710	1.859.608.319	185.960.831	147.089.768
16	VIC	7.762.186.429	2.155.559.171	215.555.917	207.205.918
17	VJC	769.092.961	249.416.847	24.941.684	24.056.655
18	VNM	2.089.955.445	811.947.690	81.194.769	52.590.341

STT	Mã CKCS	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
19	VPB	7.933.923.601	4.187.524.876	418.752.487	333.117.445
20	VRE	2.272.318.410	901.428.713	90.142.871	59.249.782